

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 - TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2025/HNGĐ-ST
Ngày 25-8-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lâm Văn Be;
Bà Nguyễn Xuân Thuỷ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Mỹ Linh, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh tham gia phiên tòa:
bà Nguyễn Ngọc Nhiên - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 200/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2025 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1985; địa chỉ: ấp Long Đ, xã Long C, tỉnh Tây Ninh; CCCD: 072185008499; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: anh Nguyễn Đức Thỏ, sinh năm 1984; địa chỉ: ấp Long Đ, xã Long C, tỉnh Tây Ninh; CMND 290740921; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 04-4-2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Đức Thỏ sống chung với nhau vào năm 2012, hôn nhân tự nguyện, vợ chồng có đăng ký kết hôn vào ngày 18-7-2013 tại Ủy ban nhân dân xã Long Vĩnh, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh (nay là xã Long Chử, tỉnh Tây Ninh). Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do chồng đi làm ăn xa ít có về nhà, chồng không dành thời gian quan tâm chăm sóc vợ con, không quan tâm về mặt tình cảm cũng không phụ chị nuôi con. Từ năm

2019 đến nay, tình cảm không còn, cuộc sống không hạnh phúc. Do đó chị yêu cầu ly hôn.

Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Trường Thọ, sinh ngày 27-12-2013 và Nguyễn Thị Bảo Nhi, sinh ngày 20-3-2019, hiện đang sống với chị. Chị yêu cầu được nuôi 02 con, không yêu cầu anh Thỏa cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung không có.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn – anh Nguyễn Đức Th đã được Toà án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với anh Th nhưng anh Th không đến Toà án để giải quyết vụ án.

Ý kiến Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên toà dân sự. Những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên toà.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9, 51, 56 và 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L đối với anh Th. Về con chung: giao chị L chăm sóc, nuôi dưỡng các con; ghi nhận chị L không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Nguyễn Thị Mỹ L có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt; anh Nguyễn Đức Th đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên toà lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị L và anh Th.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị L và anh Th chung sống có đăng ký kết hôn, hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống giữa vợ chồng anh chị có phát sinh mâu thuẫn trong thời gian dài nhưng không giải quyết được. Quá trình giải quyết vụ án, chị L cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh Th. Anh Th đã được triệu tập đến Toà án để giải quyết yêu cầu ly hôn của chị L nhưng anh Th không đến. Xét thấy, hôn nhân của anh Th và chị L không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Mỹ L đối với anh Nguyễn Đức Th.

[3] Về con chung: anh chị có 02 con chung: Nguyễn Trường Thọ, sinh ngày 27-12-2013 và Nguyễn Thị Bảo Nhi, sinh ngày 20-3-2019. Chị L có yêu cầu nuôi các con và các con của anh, chị cũng có nguyện vọng sống với chị L. Do đó, giao chị L nuôi dưỡng, chăm sóc các con anh chị là phù hợp. Ghi nhận chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: chị L không yêu cầu giải quyết; nợ chung: chị L trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà là có căn cứ.

[6] Về án phí: chị L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết 326/2026/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 về án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ L đối với anh Nguyễn Đức Th. Chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Nguyễn Đức Th được ly hôn.

2. Về con chung:

2.1. Giao chị Nguyễn Thị Mỹ L tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng các con: Nguyễn Trường Thọ, sinh ngày 27-12-2013 và Nguyễn Thị Bảo Nhi, sinh ngày 20-3-2019.

2.2. Ghi nhận chị L không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Anh Th được quyền thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở.

3. Về án phí: chị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng; được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0006417 ngày 11-4-2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 – Tây Ninh. Ghi nhận chị L đã nộp đủ án phí.

4. Chị L và anh Th có quyền kháng cáo bản án lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 10 – Tây Ninh;
- CCTHA khu vực 10 – Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu;

Nguyễn Thị An Tiên